

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định Tiêu chí phân bổ vốn Chương trình 135 năm 2015 và giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn bản đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-UBND-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18/11/2013 của Liên Bộ Ủy ban Dân tộc- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn-Bộ Kế hoạch và Đầu tư-Bộ Tài chính- Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 463/BC-SKH ngày 29/12/2014 và của Ban Dân tộc tại Tờ trình số 509/TTr-BDT ngày 19/12/2014 về việc xin phê duyệt Ban hành quy định Tiêu chí phân bổ vốn Chương trình 135 năm 2015 và giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định Tiêu chí phân bổ vốn Chương trình 135 năm 2015 và giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp các ngành thành viên Ban chỉ đạo Chương trình 135 cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn và tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quyết định này đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc, Thủ trưởng các ngành thành viên Ban chỉ đạo Chương trình 135 cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã thuộc diện đầu tư Chương trình 135 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Công TT điện tử tỉnh; Công báo tỉnh;
- Chuyên viên khối NCTH;
- Lưu VT, VX (H1).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Quang

TIÊU CHÍ
PHÂN BỐ VỐN CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2015
VÀ GIAI ĐOẠN 2016-2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 35 /2014/QĐ-UBND
ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Đối tượng: Các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, thôn bản đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư Chương trình 135 năm 2015 và giai đoạn 2016-2020 theo các Quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận.

2. Phạm vi áp dụng: Tiêu chí phân bổ vốn áp dụng với:

- Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135.
- Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135.

B. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ VỐN

1. Đảm bảo đúng đối tượng, địa bàn, nội dung theo quy định.
2. Đảm bảo bố trí vốn tập trung tránh dàn trải, thực hiện phân bổ theo Tiêu chí và định mức.
3. Đảm bảo không vượt tổng mức vốn bố trí trong kế hoạch hằng năm.
4. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch.

C. TIÊU CHÍ PHÂN BỐ VỐN VÀ CÁCH TÍNH ĐIỂM:

I. TIÊU CHÍ:

1. Xác định Tiêu chí:

- Tiêu chí 1: Dân số và số người dân tộc thiểu số.
- Tiêu chí 2: Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo.
- Tiêu chí 3: Diện tích tự nhiên của xã.
- Tiêu chí 4: Số thôn, bản trong xã và tính đặc thù.
- Tiêu chí 5: Vị trí địa lý.

2. Xác định số điểm của từng Tiêu chí

2.1. Tiêu chí 1: Dân số và số người dân tộc thiểu số

Dân số và số người dân tộc thiểu số	Điểm
≤ 1.000 người tính	1
Trên 1.000 người trở lên, cứ tăng thêm 500 người tính	0,1
≤ 500 người dân tộc thiểu số tính	1
Trên 500 người trở lên, cứ tăng thêm 300 người tính	0,1

Dân số và số người dân tộc thiểu số căn cứ vào dân số đến thời điểm 31/12 của năm trước để tính toán cho tiêu chí của năm kế hoạch (do Cục Thống kê tỉnh cung cấp).

2.2. Tiêu chí 2: Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo (theo kết quả xác định, phân loại hộ nghèo đến thời điểm 31/12 năm trước năm liền kề do Sở Lao động- Thương binh và Xã hội cung cấp)

Số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
≤ 100 hộ nghèo, hộ cận nghèo tính	2
Trên 100 hộ nghèo, hộ cận nghèo trở lên, cứ tăng thêm 50 hộ tính	0,1
≤ 10% tỷ lệ hộ nghèo tính	1
Trên 10% tỷ lệ hộ nghèo trở lên, cứ tăng thêm 2% tỷ lệ hộ nghèo tính	0,1

(Số hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng tính điểm cho Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và tỷ lệ hộ nghèo áp dụng tính điểm cho Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng)

2.3. Tiêu chí 3: Diện tích tự nhiên của xã (do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp)

Diện tích tự nhiên của xã	Điểm
≤ 6.000 ha tính	3
Trên 6.000 ha trở lên, cứ tăng thêm 1.000 ha tính	0,2

2.4. Tiêu chí 4: Số thôn bản trong xã và tính đặc thù (số thôn, bản do Sở Nội vụ cung cấp; tính đặc thù theo các quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành)

Thôn, Bản trong xã và tính đặc thù	Điểm
Xã có từ 10 thôn bản trở xuống tính	3
Xã có trên 10 thôn, bản trở lên, cứ tăng thêm 1 thôn, bản tính	0,1
Xã vùng cao cộng thêm	0,3
Xã vùng sâu, vùng xa cộng thêm	0,2
Xã có từ 10 thôn bản đặc biệt khó khăn trở xuống tính	1
Xã có trên 10 thôn, bản đặc biệt khó khăn trở lên, cứ tăng thêm 1 thôn, bản tính	0,1
Xã an toàn khu tính	0,5
Xã mới được bổ sung vào đầu tư Chương trình 135 giai đoạn này so với giai đoạn trước liền kề tính	1
Xã có thôn đặc biệt khó khăn diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn trước liền kề được bổ sung vào xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu đầu tư Chương trình 135 giai đoạn này	0,5

(Nếu xã vừa là xã vùng cao, vừa là xã vùng sâu, vùng xa thì tính điểm của xã vùng cao;
Nếu xã vừa là xã vùng cao, vừa là xã vùng sâu, vùng xa, vừa là xã an toàn khu thì tính điểm của xã an toàn khu)

2.5. Tiêu chí 5: Vị trí địa lý (do Sở Giao thông Vận tải cung cấp)

Cự ly đường	Điểm
Cứ 1 km đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã tính	0,1
Cứ 1 km đường từ trung tâm xã đến trung tâm huyện thuộc loại đường 4,5,6 cộng thêm	0,01

II. PHÂN BỐ VỐN VÀ CÁCH TÍNH ĐIỂM:

1. Vốn đầu tư hỗ trợ cho xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu:

1.1. Đối với Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng:

1.1.1. Phân bổ vốn và tính điểm cho các xã: Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính số điểm của từng xã và tổng số điểm làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư cho xã như sau:

a) Tổng số điểm của xã:

$$\begin{array}{|c|} \hline \text{Tổng số} \\ \text{điểm của xã} \\ \text{thuộc diện} \\ \text{đầu tư} \\ \text{Chương} \\ \text{trình 135} \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \text{Điểm Tiêu} \\ \text{chí về dân} \\ \text{số và số} \\ \text{người} \\ \text{dân tộc} \\ \text{thiểu số} \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|} \hline \text{Điểm Tiêu} \\ \text{chí về tỷ lệ} \\ \text{hộ nghèo,} \\ \text{hộ cận} \\ \text{nghèo} \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|} \hline \text{Điểm} \\ \text{Tiêu chí} \\ \text{về diện} \\ \text{tích tự} \\ \text{nhiên} \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|} \hline \text{Điểm} \\ \text{Tiêu chí} \\ \text{về số} \\ \text{thôn và} \\ \text{tính đặc} \\ \text{thù} \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|} \hline \text{Điểm} \\ \text{Tiêu chí} \\ \text{về vị trí} \\ \text{địa lý} \\ \hline \end{array}$$

b) Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ:

$$\begin{array}{|c|} \hline \text{Số vốn định mức cho} \\ \text{1 điểm phân bổ} \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \text{Tổng số vốn phân bổ} \\ \text{cho Dự án đầu tư cơ sở} \\ \text{hạ tầng của các xã đặc} \\ \text{biệt khó khăn, xã an} \\ \text{toàn khu thuộc diện đầu} \\ \text{tư Chương trình 135} \\ \hline \end{array} : \begin{array}{|c|} \hline \text{Tổng số điểm của} \\ \text{các xã đặc biệt khó} \\ \text{khăn, xã an toàn khu} \\ \text{thuộc diện đầu tư} \\ \text{Chương trình 135 trên} \\ \text{địa bàn tỉnh} \\ \hline \end{array}$$

c) Số vốn phân bổ cho từng xã:

$$\begin{array}{|c|} \hline \text{Số vốn phân bổ cho từng xã đặc} \\ \text{biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc} \\ \text{diện đầu tư Chương trình 135} \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \text{Số vốn định mức} \\ \text{cho 1 điểm phân bổ} \\ \hline \end{array} \times \begin{array}{|c|} \hline \text{Số điểm của} \\ \text{xã đó} \\ \hline \end{array}$$

1.1.2. Đối với các công trình có tính liên hoàn, sử dụng trên phạm vi liên xã hoặc công trình có yêu cầu kỹ thuật cao và các công trình lồng ghép để hoàn thiện bộ tiêu chí về nông thôn mới:

Hàng năm, căn cứ nhu cầu thực tế, Ủy ban nhân dân các huyện đề xuất và gửi Ban Dân tộc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét quyết định phân bổ vốn cho các công trình có tính liên hoàn, sử dụng trên phạm vi liên xã hoặc công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, công trình lồng ghép để hoàn thiện bộ tiêu chí về nông thôn mới trên địa bàn theo nguyên tắc tổng số kinh phí phân bổ không vượt quá 20% tổng kinh phí của Tỉnh giao cho các huyện, số kinh phí còn lại phân bổ cho các xã theo quy định.

1.2. Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất

Căn cứ vào tổng số vốn phân bổ cho dự án hỗ trợ phát triển sản xuất của các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của Chương trình 135: Phân bổ không quá 10% trên tổng kinh phí của Trung ương giao cho tỉnh (*kinh phí của các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu*) để thực hiện các nội dung học tập kinh nghiệm và xây dựng mô hình phát triển sản xuất, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ cán bộ, kinh phí còn lại phân bổ cho các xã thực hiện làm chủ đầu tư các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất:

Số vốn phân bổ cho Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh	=	Vốn phân bổ để thực hiện hỗ trợ tạo điều kiện học tập kinh nghiệm xây dựng và nhân rộng mô hình phát triển sản xuất và tập huấn, kiến thức, nâng cao năng lực cán bộ (không vượt quá 10% tổng số vốn)	+	Vốn phân bổ cho các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh
---	---	---	---	---

1.2.1. Thực hiện phân bổ không quá 10% vốn để hỗ trợ tạo điều kiện học tập kinh nghiệm xây dựng và nhân rộng mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả, tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ:

Cơ quan thường trực 135 chủ trì phối hợp các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện thống nhất nội dung, mức phân bổ vốn cụ thể hàng năm để tổ chức triển khai tạo điều kiện cho các đối tượng thực hiện học tập kinh nghiệm xây dựng và nhân rộng mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả và bố trí tập huấn cho đội ngũ cán bộ.

1.2.2. Thực hiện phân bổ vốn cho các nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do xã làm chủ đầu tư theo cách tính điểm như sau:

a) Tổng số điểm của xã

Tổng số điểm của xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư Chương trình 135	=	Điểm Tiêu chí về số hộ nghèo và hộ cận nghèo
--	---	--

b) Định mức vốn cho 1 điểm:

Số vốn định mức cho 1 điểm	=	Tổng số vốn phân bổ cho Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất của các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc Chương trình 135	:	Tổng số điểm của các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh
----------------------------	---	--	---	--

c) Số vốn phân bổ cho từng xã

$$\boxed{\text{Số vốn phân bổ cho từng xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc Chương trình 135}} = \boxed{\text{Số vốn định mức cho 1 điểm}} \times \boxed{\text{Số điểm của xã đó}}$$

2. Vốn đầu tư hỗ trợ cho thôn đặc biệt khó khăn

Đối với thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I, II: Vốn thực hiện Chương trình 135 hằng năm (đối với Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất) được phân bổ cho các xã khu vực I và khu vực II có thôn đặc biệt khó khăn theo định mức được Thủ tướng Chính phủ quy định.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hằng năm, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận tải, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, Cục Thống kê tỉnh và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm cung cấp các số liệu của các xã thuộc Chương trình 135 theo từng nội dung của tiêu chí có liên quan làm căn cứ chấm điểm cho các xã và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu đã cung cấp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Dân tộc tổng hợp) trước ngày 31/12 hằng năm.

2. Giao Ban Dân tộc

Chủ trì phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Lao động- Thương binh và xã hội; Cục Thống kê tỉnh, Ủy ban mặt trận Tổ quốc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện và các ngành có liên quan: Hằng năm, căn cứ tiêu chí, định mức phân bổ vốn Chương trình 135 lập kế hoạch dự toán chi tiết phân bổ vốn cho các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư Chương trình 135 trong kế hoạch kinh tế- xã hội, dự toán ngân sách để trình duyệt theo quy định.

Có trách nhiệm xây dựng hệ thống biểu mẫu gửi các sở, ngành, đơn vị có liên quan thống kê số liệu cần thiết phục vụ cho việc tính điểm Tiêu chí phân bổ vốn Chương trình 135.

Chủ trì, phối hợp với các ngành thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình 135 cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình 135 theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các ngành thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình 135 cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình 135 và việc thực hiện tiêu chí phân bổ vốn Chương trình 135 quy định tại Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Ủy ban nhân dân các huyện

Căn cứ kinh phí thực hiện các Dự án thuộc Chương trình 135 được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ, tiến hành giao kế hoạch chi tiết các dự án hợp phần thuộc Chương trình 135 cho các xã thuộc Chương trình 135 đối với các nội dung dự án hợp phần giao do xã làm chủ đầu tư hoặc thành lập Ban Quản lý đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Chương trình 135 để tổ chức triển khai thực hiện Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các công trình được giao chủ đầu tư. Giao Phòng Dân tộc huyện là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc đầu tư cơ sở hạ tầng.

Trên cơ sở kế hoạch dự toán chi tiết phân bổ vốn Chương trình 135, Ủy ban nhân dân các xã (Chủ đầu tư) tổ chức lấy ý kiến nhân dân thực hiện lựa chọn và rà soát xây dựng chi tiết danh mục đầu điểm công trình hạ tầng cơ sở gửi Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp Kế hoạch thẩm định và gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp kế hoạch dự án cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135 trên địa bàn toàn tỉnh theo quy định.

Việc giao kế hoạch cho các xã thuộc Chương trình 135 phải hoàn thành không quá 10 ngày, kể từ ngày được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ vốn.

Thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai tổ chức thực hiện Chương trình 135 trên địa bàn theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, kịp thời giải quyết những vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền.

Trong quá trình tổ chức thực hiện kịp thời xử lý các vướng mắc phát sinh tại cơ sở hoặc phản ánh về cơ quan thường trực Chương trình 135 để phối hợp triển khai thực hiện các nội dung dự án của các xã thuộc Chương trình 135 đảm bảo hiệu quả, phù hợp với thực tế, không vượt tổng mức vốn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, đảm bảo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và hoàn thành kế hoạch vốn trong năm kế hoạch.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, các ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện kịp thời báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh./.

TM. UBND TỈNH TUYÊN QUANG

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Quang